

## **BÁO CÁO**

### **Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương Quý 1 năm 2019**

Thực hiện Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ Tài chính giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Thực hiện Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Thực hiện Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2019;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 2219/UBND-TH ngày 12/6/2017 về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý 1 năm 2019, Sở Tài chính thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý 1 năm 2019 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quý 1 năm 2019:

Tổng thu ngân sách nhà nước quý 1 năm 2019 trên địa bàn là 808.464 triệu đồng, so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao đạt 30,9% (808.464 triệu đồng/2.616.700 triệu đồng), trong đó:

- Thu nội địa: 766.278 triệu đồng, đạt 33,08% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (766.278 triệu đồng/2.316.700 triệu đồng).

- Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu: 41.721 triệu đồng, đạt 13,91% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (41.721 triệu đồng/300.000 triệu đồng).  
Trong đó:

+ Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là: 621.622 triệu đồng.

+ Hoàn thuế giá trị gia tăng là: 579.901 triệu đồng.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương, quý 1 năm 2019:

Chi cân đối ngân sách địa phương quý 1 năm 2019: 920.017 triệu đồng, đạt 24,35% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (929.532 triệu đồng/3.778.093 triệu đồng), trong đó: chi đầu tư thực hiện 160.346 triệu đồng đạt 22,65% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; chi thường xuyên thực hiện 758,671 triệu đồng, đạt 25,37% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (758,671 triệu đồng/2.990.925 triệu đồng);

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: 232.746 triệu đồng đạt 15,61% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (232.746 triệu đồng/ 1.490.572 triệu đồng).

(Chi tiết theo các biểu số 59, 60, 61/CK-NSNN đính kèm)

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý 1 năm 2019. /./

Nơi nhận :

-UBND tỉnh;

-Lưu VT, QLNS, CNMT.

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Trường



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1-2019**

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.616.700</b>	<b>808.464</b>	<b>30,90%</b>	<b>119,71%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>2.616.700</b>	<b>808.464</b>	<b>30,90%</b>	<b>119,71%</b>
1	Thu nội địa	2.316.700	766.278	33,08%	113,60%
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	300.000	41.721	13,91%	5.075,55%
4	Thu viện trợ	0	465		
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>0</b>			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>5.268.665</b>	<b>1.152.763</b>	<b>21,88%</b>	<b>93,14%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>3.778.093</b>	<b>920.017</b>	<b>24,35%</b>	<b>100,98%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	708.080	160.346	22,65%	54,30%
2	Chi thường xuyên	2.990.925	758.671	25,37%	123,21%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.800		0,00%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00%	
5	Dự phòng ngân sách	73.288		0,00%	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.490.572</b>	<b>232.746</b>	<b>15,61%</b>	<b>71,27%</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>113.700</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>49.000</b>	<b>49.000</b>	<b>100,00%</b>	



## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1-2019

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.616.700</b>	<b>808.464</b>	<b>30,90%</b>	<b>119,71%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.316.700</b>	<b>766.278</b>	<b>33,08%</b>	<b>113,60%</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	835.000	239.385	28,67%	105,43%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	130.000	131.206	100,93%	235,25%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	355.500	112.811	31,73%	138,53%
4	Thuế thu nhập cá nhân	121.000	40.199	33,22%	135,23%
5	Thuế bảo vệ môi trường	340.000	91.798	27,00%	166,49%
6	Lệ phí trước bạ	101.200	27.277	26,95%	142,24%
7	Các loại phí, lệ phí	61.000	17.949	29,42%	123,61%
8	Các khoản thu về nhà, đất	229.000	55.542	24,25%	41,91%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0		0,00%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	541	27,06%	90,20%
-	Thu tiền sử dụng đất	200.000	48.449	24,22%	39,05%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.000	6.436	23,84%	82,34%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	116		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	20.000	15.835	79,18%	257,61%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	3.000	0	0,00%	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	75.000	19.342	25,79%	49,97%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	0	1.062		177,97%
13	Thu khác ngân sách	46.000	13.872	30,16%	101,04%
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>III</b>	<b>Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>300.000</b>	<b>41.721</b>	<b>13,91%</b>	<b>5.075,55%</b>
1	Tổng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	621.622		
-	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	605.389		87.483,99%
-	Thuế xuất khẩu	0	0		
-	Thuế nhập khẩu	0	16.220		12.477,21%
-	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		
-	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	1		
-	Thu khác	0	12		
2	Hoàn thuế Giá trị gia tăng	0	579.901		
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>0</b>	<b>465</b>		
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>1.981.937</b>	<b>656.747</b>	<b>33,14%</b>	<b>136,58%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.456.130	511.777	35,15%	139,11%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	525.807	144.970	27,57%	128,35%



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 1-2019**

Đơn vị: Triệu Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>5.268.665</b>	<b>1.152.763</b>	<b>21,88%</b>	<b>93,14%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>3.778.093</b>	<b>920.017</b>	<b>24,35%</b>	<b>100,98%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>708.080</b>	<b>160.346</b>	<b>22,65%</b>	<b>54,30%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	708.080	160.346	22,65%	54,30%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	0	0		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>2.990.925</b>	<b>758.671</b>	<b>25,37%</b>	<b>123,21%</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.301.430	280.902	21,58%	113,35%
2	Chi khoa học và công nghệ	17.185	1.120	6,52%	8,14%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	298.172	75.012	25,16%	283,71%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	32.420	6.588	20,32%	101,74%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	17.452	2.911	16,68%	79,03%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	11.629	2.642	22,72%	111,70%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	62.750	30.968	49,35%	105,42%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	293.852	121.018	41,18%	197,74%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	689.592	155.596	22,56%	106,92%

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
10	Chi bảo đảm xã hội	161.524	44.140	27,33%	80,22%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>4.800</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100,00%</b>	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>73.288</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>1.490.572</b>	<b>232.746</b>	<b>15,61%</b>	<b>71,27%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	186.608	15.478	8,29%	303,42%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	739.615	186.723	25,25%	81,14%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	564.349	30.545	5,41%	33,44%